

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày: 14/11/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tường Vân

Bà Mai Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2025. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; giới tính: Nam; sinh ngày: 05/8/1966, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa); Nơi cư trú: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038066013067; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K (đã chết) và bà Trần Thị S (đã chết); Vợ: Mai Thị L – Sinh năm: 1971; bị cáo có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1992, con thứ hai sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2025 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Phạm Văn K1**; giới tính: Nam; sinh ngày: 20/10/1975, tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (Nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa); Nơi cư trú: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 038075019867; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị N - sinh năm: 1950; Vợ: Mai Thị N1 – Sinh năm: 1985; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2025 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Anh Phạm Văn Q – sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn L, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Ông Mai Văn S1 – sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T2 – sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Ông Mai Văn H1 – sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Ông Bùi Quốc D – sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H2 – sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 27/12/2024, Nguyễn Văn T (sinh ngày 05/8/1966, trú tại thôn H, xã K, Thanh Hóa) cùng Mai Văn S1 (sinh năm 1967, trú tại thôn H, xã K, Thanh Hóa); Bùi Quốc D (sinh năm 1967, trú tại thôn H, xã K, Thanh Hóa); Nguyễn Văn D1 (sinh năm 1960, trú tại thôn H, xã K, Thanh Hóa) ăn cơm, uống rượu tại nhà Nguyễn Văn T. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm, uống rượu xong, T và những người này rủ nhau đến quán C2 thuộc thôn H, xã K để uống nước. Đến khoảng 21 giờ 00 cùng ngày, Phạm Văn K1 (sinh ngày 20/10/1975) và Phạm Văn Q (sinh năm 1985, cùng trú tại thôn H, xã K, Thanh Hóa) cũng đến quán cà phê Vông C uống nước. Tại đây, Phạm Văn K1 đi lại bàn của T, S1, D, D1 và vào ngồi giữa vị trí của D và S1. Lúc này bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1975, trú tại thôn L, xã K - là chủ quán C2) mang 04 cốc cà phê ra bàn. Phạm Văn K1 dùng tay với lấy cốc cà phê của T. Ông D1 nói với K1: "Chú có uống thì để tôi gọi, không thì chú về bàn của chú đi", K1 nói lại: "tôi cần đéo gì cốc cà phê của ông, địt mẹ ông nữa", ông D1 nghe thấy vậy đứng dậy trả tiền cà phê cho chị H và đi về. Sau đó, giữa Phạm Văn K1 và Nguyễn Văn T đã xảy ra to tiếng, cãi nhau, gây ồn ào thì chị H can ngăn và nói sẽ báo Công an nếu hai người này đánh nhau tại quán nhưng không được. Lúc này, T nói với K1 "Bây giờ mi thích đánh nhau thì ra đây" rồi đứng dậy cởi áo và vắt lên ghế, đi ra phía ngoài, K1 đứng dậy đi phía sau T, khi ra đến phía ngoài sân đổ bê tông T và K1 xông vào dùng tay đánh nhau, sau đó ôm nhau, vật lộn xuống nền bê tông trước cửa quán cà phê khiến cả hai đều bị thương tích. Quá trình vật lộn đã làm đổ vỡ 01 chậu hoa

cây cảnh bằng nhựa. Sau đó những người có mặt tại quán đã đến can ngăn và đưa Phạm Văn K1, Nguyễn Văn T đi điều trị tại các cơ sở y tế. Ngày 12/3/2025, Nguyễn Văn K2 gửi đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với Nguyễn Văn T đến Cơ quan cảnh sát điều tra.

Kết quả trưng cầu giám định:

Tại bản kết luận giám định số 566/KL-KTHS ngày 24/01/2025 của Phòng K3 Công an tỉnh T kết luận:

“1. Trên 01 (một) mảnh vỡ bằng nhựa gửi giám định có ADN của người. Do nồng độ ADN thấp nên không xác định được kiểu gen;

2. Trên 02 (hai) cục giấy gửi giám định đều có máu của Phạm Văn K1;

3. Lưu kiểu gen (theo hệ Globalfiler) của Phạm Văn K1 tại Phòng K3 Công an tỉnh T”.

Tại bản kết luận giám số 236/KL-KTHS ngày 25/02/2025 của V Bộ C3 kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn K1:

2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể: Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho từng tổn thương như sau:

- Sẹo vùng gò má - cạnh đuôi mắt phải kích thước nhỏ: 03% (Áp dụng nguyên tắc 1,2 và Mục I.1, C1 8).

- Sẹo sống mũi kích thước nhỏ: 03% (áp dụng Nguyên tắc 1,2 và mục I.1, C1 8).

- Sẹo kết mạc góc trong mắt trái kích thước 0,5 x 0,1 cm; sẹo kết mạc góc ngoài mắt trái kích thước 0,4 x 0,1 cm: mỗi sẹo 01% (Áp dụng Mục I.3 và nguyên tắc 1, Mục I.1, C1 8).

- Vỡ thành trong hốc mắt trái, không ảnh hưởng thị lực: 05% (áp dụng Mục XIII, Chương 10).

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Phạm Văn K1 tại thời điểm giám định là 12 % (Mười hai phần trăm).

2.2. Cơ chế hình thành thương tích: Các tổn thương của anh Phạm Văn K1 do vật tày và vật có diện tiếp xúc nhỏ gây ra”.

Tại bản kết luận giám định số 237/KL-KTHS ngày 20 tháng 01 năm 2025 của V Bộ C3 kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể đối với Nguyễn Văn T:

Đối chiếu Bảng 1 - Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, áp dụng

Nguyên tắc 1 và Mục I.1, C1 8, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể cho từng tổn thương như sau:

- Sẹo mặt sau 1/3 dưới cằm tay kích thước nhỏ: 01%.
- 02 Sẹo mặt mu tay phải kích thước nhỏ: mỗi sẹo 01%
- Sẹo vùng khuỷu tay trái kích thước nhỏ: 01%

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Nguyễn Văn T tại thời điểm giám định là: 04% (bốn phần trăm)".

Quá trình điều tra đã xác định: Tại quán C2, do đã sử dụng rượu bia nên Phạm Văn K1 và Nguyễn Văn T xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, to tiếng với nhau. Tuy đã được chủ quán là chị Nguyễn Thị Hồng can N2 nhưng Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 vẫn thách thức đánh nhau, sau đó cùng đi về phía trước cửa quán và xảy ra xô xát, vật lộn khiến hai người bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể của Phạm Văn K1 là 12% (mười hai phần trăm), của Nguyễn Văn T là 04% (bốn phần trăm). Sự việc trên xảy ra tại quán cafe vào thời điểm đang có nhiều người đã gây hoang mang, ảnh hưởng xấu đến tâm lý, sinh hoạt bình thường của mọi người, gây ảnh hưởng đến công việc làm ăn, buôn bán của gia đình chị Nguyễn Thị H. Nắm bắt tình hình dư luận, phản ánh của người dân, đại diện chính quyền địa phương thôn H và UBND xã T đã báo cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra về ảnh hưởng tiêu cực từ vụ việc đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) mảnh vỡ chậu cây bằng nhựa, màu hồng, hình dạng không đồng nhất, kích thước (16x4,5)cm, sau khi giám định ADN đã được niêm phong theo quy định.

- 02 (hai) cục giấy (dạng giấy ăn) thấm dấu vết nghi máu

- 10 (mười) sợi tóc có chân của Phạm Văn K1.

Sau giám định 02 (hai) cục giấy thấm máu và 10 (mười) mẫu tóc của Phạm Văn K1 đã sử dụng hết, Cơ quan giám định đã hoàn lại đối tượng giám định gồm: 01 mảnh nhựa vỡ màu hồng kích thước (16 x4,5)cm cho cơ quan điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại mảnh nhựa này cho bà Nguyễn Thị H.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 đã tự thống nhất thỏa thuận về bồi thường thiệt hại dân sự, Nguyễn Văn T đã bồi thường cho Phạm Văn K1 số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), Phạm Văn K1 không phải bồi thường cho Nguyễn Văn T.

Ngày 12/11/2025 Bị cáo Phạm Văn K1 nộp đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án đối với bị cáo Nguyễn Văn T về hành vi Cố ý gây thương tích. Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa đã Đình chỉ vụ án Cố ý gây thương tích đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKSKV7 ngày 05/10/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Phạm Văn K1 về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa truy tố về các tội “Cố ý gây thương tích” và “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 134 và khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá rút một phần quyết định truy tố là phần truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về hành vi cố ý gây thương tích. Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Phạm Văn K1 và Nguyễn Văn T về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn K1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về bồi thường thiệt hại: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về phần bồi thường thiệt hại. Do không ai có yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Văn K1, Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình và xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo để được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa, Kiểm sát viên,

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Ngày 12/11/2025 người bị hại là Phạm Văn K1 đã nộp đơn xin rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự cố ý gây thương tích đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Tòa án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa đã Quyết định đình chỉ vụ án cố ý gây thương tích đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa đã rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội Cố ý gây thương tích. HĐXX xét thấy Việc rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự của người bị hại là tự nguyện, không bị ép buộc, cưỡng bức, thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Thanh Hóa Đình chỉ vụ án cố ý gây thương tích, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa rút một phần quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội Cố ý gây thương tích là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 27/12/2024 tại quán C2 thuộc thôn H, xã K này có nhiều người đang uống nước ở đây. Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 đã có lời nói to tiếng cãi nhau dẫn đến xô xát, đánh nhau ảnh hưởng đến sinh hoạt, hoạt động bình thường của cơ sở kinh doanh, cũng như gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn khu dân cư. Hành vi của Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 điều 318 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất của vụ án và vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án hình sự có tính chất ít nghiêm trọng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm tới trật tự công cộng, an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người dân trên địa bàn. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 đều có hành vi to tiếng cãi nhau và đánh nhau nên các bị cáo có vai trò như nhau trong vụ án.

[5]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo đều có 02 (hai) tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 đều có thân nhân là người có công được tặng thưởng bằng khen, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo.

[6]. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Nguyên nhân phạm tội là do mâu thuẫn bộc phát. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại điều 65 Bộ luật Hình sự và giao các bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 14/11/2025).

- Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Phạm Văn K1 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 14/11/2025).

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn K1 cho Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải

chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

* Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47, Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 điều 6, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Văn K1 phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn K1. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải